

DAO ĐỘNG GIẢNG CO

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Đối với các hoạt động mua trading, nhà đầu tư nên lựa chọn cổ phiếu có yếu tố cơ bản và tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt để giảm thiểu rủi ro.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu kém hơn thị trường chung nếu có.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

HDG	MUA
	↑ 9,42%
	VND30.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (7/11), với hai chỉ số S&P 500 và Nasdaq cùng thiết lập đỉnh cao lịch sử mới.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Sự hưng phấn của dòng tiền không thể giúp VN-Index bứt phá ra khỏi ngưỡng kháng cự gần thành công, ngược lại diễn biến bán chủ động có phần lấn át trên nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khiến cho thị trường mất đi lực đỡ. Xu hướng ngắn hạn VN-Index dao động trên vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, kháng cự gần nhất quanh 1.265-1.271 điểm (MA20, MA100 ngày). Để xu hướng ngắn hạn VN-Index cải thiện thì cần vượt vùng kháng cự mạnh quanh 1.270 điểm, với khối lượng cải thiện.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	43.729,34	0,00	16,03
S&P 500	5.973,10	0,74	25,23
Nasdaq	19.269,46	1,51	28,37
VIX	15,20	-6,58	22,09
DAX	19.362,52	1,70	15,59
FTSE 100	8.140,74	-0,32	5,27
CAC40	7.425,60	0,76	-1,56
Hang Seng	21.199,96	1,18	24,36

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	NEUTRAL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	46,47	NEUTRAL
MACD (12,26)	-5,54	SELL
ADX (14)	12,89	SELL
SMA5	1.253,28	BUY
SMA20	1.267,20	SELL
SMA50	1.270,83	SELL
SMA100	1.263,90	SELL
SMA200	1.253,38	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Kết thúc cuộc họp chính sách 2 ngày, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định hạ lãi suất lần thứ 2 trong năm nay, với tốc độ chậm hơn trước nhưng vẫn tiếp tục nỗ lực điều chỉnh chính sách tiền tệ. Sau mức cắt giảm 0,5% ở tháng 9, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) đã hạ lãi suất thêm 0,25%, xuống phạm vi 4,50% - 4,75%. Mức lãi suất này thiết lập mức phí mà các ngân hàng tính cho nhau khi cho vay qua đêm, nhưng thường ảnh hưởng đến các công cụ nợ tiêu dùng.
- Giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 0,71 USD/thùng, tương đương tăng 0,95%, chốt ở mức 75,63 USD/thùng. Giá dầu thô WTI giao sau tại New York tăng 0,67 USD/thùng, tương đương tăng 0,93%, chốt ở mức 72,66 USD/thùng.
- Theo số liệu báo cáo được Tổng cục Thống kê công bố sáng 6/11, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 10/2024 ước tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,0%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,9%; riêng ngành khai khoáng giảm 10,4%.
- **POW:** Tính chung tổng sản lượng điện của các nhà máy điện thuộc PV Power trong tháng 10 khoảng 1,27 tỷ kWh. Doanh thu bán điện đạt 2.194 tỷ đồng, đóng góp chính vào doanh thu đến từ nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Vũng Áng 1. Luỹ kế 10 tháng, tổng sản lượng điện của các NMD của công ty khoảng 12,6 tỷ kWh. Doanh thu ước đạt 24.381 tỷ đồng, trong đó, Cà Mau 1&2 mang về 9.263 tỷ đồng, Vũng Áng 1 với 8.681 tỷ đồng.
- **DGC:** Tập đoàn Hóa chất Đức Giang vừa công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt. Ngày đăng ký cuối cùng vào 20/11 và thời gian thanh toán dự kiến 20/12. Tỷ lệ thực hiện quyền là 30%.
- **VHC:** HĐQT CTCP Vĩnh Hoàn vừa thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền, tỷ lệ 20%. Ngày đăng ký cuối cùng là 6/12, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 5/12. Ngày thực hiện chi trả là 18/12. Với hơn 224,4 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty cần chi gần 449 tỷ đồng trả cổ tức.
- **NTC:** Ngày 25/11 tới đây, Nam Tân Uyên sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 60%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 6.000 đồng và thời gian thực hiện dự kiến ngày 18/12/2024. Với gần 24 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Nam Tân Uyên sẽ trả tổng cộng gần 144 tỷ đồng trong lần trả cổ tức này.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.702,08	-0,17	30,98
Dầu WTI	72,13	-0,32	0,67
Dầu Brent	75,49	-0,19	-2,01
Than	142,20	0,78	-2,87
Đồng	9.664,00	3,44	12,91
Quặng sắt	106,41	0,13	-22,85
Thép	500,00	0,50	-11,45

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,513	0,00	3,14
USD/JPY	153,29	-0,23	-7,99
USD/CNY	7,1535	-0,14	-0,75
EUR/USD	1,0782	-0,21	-2,33
GBP/USD	1,2969	-0,14	1,87

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	07/11/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	07/11/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VHM	664,01	41.400	-0,36
MSN	327,05	73.300	-1,21
MWG	342,11	65.400	-0,30
STB	292,79	35.600	0,28
HPG	433,47	26.950	0,00

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	520.903,31	93.200	0,32
BID	271.340,75	47.600	-0,94
FPT	198.741,45	135.100	0,37
CTG	191.171,71	35.600	-0,84
VHM	180.270,81	41.400	-0,36

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

HDG

Khuyến nghị
Giá hiện tại
Giá mục tiêu
Tiềm năng tăng giá
Vùng giải ngân
Ngưỡng cắt lỗ
MUA
28.200
30.200
9,42%
27.000-27.600
<33.200

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Tập đoàn Hà Đô cho biết, tại BCTC hợp nhất, doanh thu quý III/2024 đạt hơn 588 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. LNST quý III/2024 đạt 181,9 tỷ đồng, tăng 183% so với cùng kỳ năm ngoái chỉ đạt 99,5 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Tập đoàn Hà Đô ghi nhận DTT đạt 1.964 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,7% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng LNST tăng 2,1% đạt hơn 544,8 tỷ đồng.
- Năm 2024, Công ty đặt mục tiêu kinh doanh với kế hoạch doanh thu đạt 2.896 tỷ đồng và LNST đạt 972 tỷ đồng. Với kết quả 9 tháng đầu năm đạt được, Công ty đã hoàn thành 67,8% kế hoạch về doanh thu và 56% kế hoạch về lợi nhuận cả năm

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Phiên tăng giá ngày 7/11 giúp cổ phiếu HDG vượt lên trên các đường MA ngắn hạn. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ xu hướng tăng tiếp diễn của cổ phiếu. NĐT có thể xem xét mua cổ phiếu trong các nhịp rung lắc, tăng tỷ trọng nếu vượt 28.300 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q2 2024
DTT (tỷ đ)	3.581	2.889	550
LNST (tỷ đ)	1.604	963	138
LNST (tỷ đ)	1.362	866	99
Nợ/VCSH (%)	93	75	71
ROE (%)	22,74	11,86	11,17
ROA (%)	7,07	4,50	4,67
EPS (VNĐ)	3.258	1.977	1978,37
P/E (lần)	7,0	12,7	14,25
P/B (lần)	1,45	1,43	1,53

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	NEUTRAL	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	61,20	BUY	
MACD (12,26)	-0,03	NEUTRAL	
ADX (14)	18,67	BUY	
SMA5	27.680	BUY	
SMA20	27.230	BUY	
SMA50	27.750	BUY	
SMA100	28.200	BUY	
SMA200	27.010	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MWG	Nắm giữ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8			0,15%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PC1	Chốt lời	28,2-29	1/7/2024	28,7	32,6	27,6	45633	31,6	10,10%
2	BSR	Chốt lời	21,5-22	5/8/2024	21,5	25,1	20,9	15/8/2024	23,2	7,91%
3	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
4	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
5	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
6	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
7	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
8	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
9	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
10	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
11	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
12	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
13	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
14	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
15	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2(50%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2(50%)	Nằm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2(50%)	25.5-26	-12%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	999,900 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (46.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 267 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room